

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2026 và Kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Thực hiện Văn bản số 6694/BNNMT-LNKL ngày 24/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026 và kế hoạch, dự toán NSNN năm 2027.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2026 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng, cơ chế, chính sách

Nhằm triển khai thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản¹ chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh thực hiện hiệu quả trách nhiệm quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về lâm nghiệp, kiểm lâm theo quy định pháp luật về lâm nghiệp, chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo lực lượng kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị chức năng tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

¹ Văn bản số 8823/UBND-NNMT ngày 31/12/2025 về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR trước, trong, sau Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán năm 2026; Văn bản số 2460/UBND-NNMT ngày 06/03/2026 về việc kiểm tra thông tin báo chí phản ánh phá rừng tại xã Ia Púch; Văn bản số 2588/UBND-NNMT ngày 09/03/2026 về việc khẩn trương điều tra, xử lý nghiêm vụ phá rừng xảy ra tại xã Ia Púch, tỉnh Gia Lai; Văn bản số 3261/UBND-NNMT ngày 20/03/2026 về việc tiếp tục điều tra, xử lý nghiêm vụ phá rừng xảy ra tại xã Ia Púch, tỉnh Gia Lai; Văn bản số 2884/UBND-NNMT ngày 13/03/2026 về việc khẩn trương điều tra, xử lý nghiêm vụ phá rừng xảy ra tại xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai; Văn bản số 4479/UBND-NNMT ngày 14/04/2026 về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Triển khai ngay các biện pháp quyết liệt nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng; tiếp tục rà soát, xác định các khu vực trọng điểm, có nguy cơ cao về phá rừng, khai thác rừng, cháy rừng,... để có kế hoạch tăng cường lực lượng, phối hợp với UBND cấp xã, đơn vị chủ rừng tổ chức kiểm tra, truy quét, ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, không để xảy ra điểm nóng về phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã xác định và đưa các nội dung sau vào nhiệm vụ trọng tâm năm 2026:

- Xây dựng Kế hoạch phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030.
- Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030.
- Xây dựng Đề án phát triển cây dược liệu dưới tán rừng giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch

a) Công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tình hình vi phạm pháp luật về lâm nghiệp: Từ đầu năm đến nay (*tính đến ngày 30/6/2026*): Trên địa bàn tỉnh xảy ra 171 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (*tăng 15 vụ so với cùng kỳ năm 2025*). Tang vật, phương tiện vi phạm gồm 104,621 m³ gỗ các loại (*tăng 16,503 m³ gỗ so với cùng kỳ năm 2025*); 334,302 ster thực vật rừng ngoài gỗ (củi); 2.750 kg thực vật rừng ngoài gỗ (mây); 1.055 kg gốc gỗ, gỗ có hình thù phức tạp; 50,0 kg than hầm; 46,3 kg động vật rừng; 256 cá thể Chim, 12 cá thể Rùa và 05 cá thể rắn; 29 xe ô tô, 24 xe công nông, 15 xe máy, 12 cửa xăng và 09 công cụ khác; Diện tích rừng bị phá là 231.783 m² và 465 cây rừng tự nhiên bị ken, chặt phá, đổ hóa chất (*tăng 146.413 m² so với cùng kỳ năm 2025*).

- Kết quả xử lý: Đã xử lý 94 vụ/171 vụ; trong đó:

+ Xử lý vi phạm hành chính: 88 vụ, phạt tiền 975.525.000 đồng; tịch thu 37,170 m³ gỗ tròn, xẻ loài thông thường; 151,126 ster thực vật rừng ngoài gỗ (củi); 1.055 kg gỗ có hình thù phức tạp; 46,3 kg động vật rừng và 242 cá thể Chim; 01 xe ô tô, 01 xe công nông, 09 cửa xăng và 09 công cụ khác.

+ Xử lý hình sự: 06 vụ, gồm 01 vụ về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm xảy ra tại xã Kim Sơn do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh khởi tố và 05 vụ về Tội huỷ hoại rừng (04 vụ xảy ra tại xã Ia Pia do Hạt Kiểm lâm khu vực Chư Prông khởi tố và 01 vụ xảy ra tại xã Hoài Ân do Hạt Kiểm lâm khu vực Hoài Ân khởi tố).

+ Đang xác minh, xử lý: 77 vụ.

b) Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Về phát triển rừng

+ Trồng rừng tập trung: Thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 6.122,36 ha; ước thực hiện cả năm đạt 38.900 ha, đạt 100% kế hoạch.

+ Trồng rừng gỗ lớn: Thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 466,24 ha; ước thực hiện cả năm đạt 4.069 ha, đạt 100% kế hoạch.

+ Trồng cây phân tán: Thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 46,24 ha (tương đương 46.240 cây) ước thực hiện cả năm đạt 3.600 ha (tương đương 3.600.000 cây), đạt 100% kế hoạch.

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: Năm 2026 kế hoạch tổ chức khoanh nuôi 986,49 ha rừng, trong đó: khoanh nuôi mới 23,6 ha; khoanh nuôi chuyển tiếp 962,89 ha. Dự kiến năm 2026 khoanh nuôi đạt 100% kế hoạch.

+ Phát triển lâm sản ngoài gỗ: Thực hiện chuyển đổi dần cơ cấu cây trồng diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp của các hộ dân sang phát triển lâm nghiệp. Phát triển diện tích cây Mắc ca tập trung chủ yếu ở các xã Kbang, Kông Bơ La, Sơn Lang, Tơ Tung,...; cây Giổi lấy hạt tập trung chủ yếu tại các xã Krong, Sơn Lang,... và một số cây đặc sản khác. Phát triển thâm canh dược liệu, phát triển các vùng nguyên liệu dược liệu tập trung, canh tác hữu cơ, chất lượng cao, ổn định. Thu hút, hỗ trợ, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở bảo quản nhà máy sơ chế, chế biến dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu, đảm bảo thu mua, tiêu thụ hết các sản phẩm dược liệu. Tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, có sức cạnh tranh trên thị trường. Chỉ đạo xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển cây dược liệu dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về nâng cao năng suất, chất lượng rừng:

+ Năng suất rừng trồng: Tỉnh đã chú trọng nâng cao chất lượng rừng tự nhiên bằng các biện pháp lâm sinh như cải tạo rừng, khoanh nuôi tái sinh, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng,... Cải tạo những diện tích rừng nghèo kiệt, tái sinh kém, hiệu quả kinh tế thấp. Nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp theo hướng cải thiện từng bước phẩm chất di truyền; đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chủng loại và cung cấp đủ nhu cầu về giống cây phục vụ trồng rừng, làm giàu rừng theo hướng quản lý rừng bền vững. Tăng cường công tác khuyến lâm, hướng dẫn người dân áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại vào các khâu trồng, khai thác, chế biến, bảo quản trong sản xuất lâm nghiệp, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý trên cơ sở ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin. Nghiên cứu, cải tạo, nâng cao năng suất, chất lượng rừng và sản phẩm của một số loài cây dược liệu dưới tán rừng.

+ Tỷ lệ giống được kiểm soát: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 200 cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp (165 cơ sở sản xuất, kinh doanh và 35 cơ sở kinh doanh). 6 tháng đầu năm đã công nhận 86 nguồn giống lâm nghiệp chính, trong đó: 83 vườn cây đầu dòng và 03 cây trội; năng lực cung ứng giống khoảng 111.789.100 cây giống các loại. Ước thực hiện cả năm sản xuất 214.350.000 cây giống các loại, đạt 100% kế hoạch đề ra. Ngoài ra,

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện xã hội hóa về giống cây trồng lâm nghiệp, quản lý nguồn gốc, chất lượng giống cây trồng. Ưu tiên đầu tư, phát triển hệ thống nghiên cứu và cung ứng các giống cây lâm nghiệp chất lượng cao; có kế hoạch đầu tư xây dựng rừng giống chuyển hóa từ rừng tự nhiên, rừng trồng; trồng mới diện tích rừng giống, điều tra tuyển chọn một số loài cây có thể mạnh trong tỉnh và xây dựng các vườn cây đầu dòng. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát quản lý chất lượng giống, thực hiện quản lý tốt chuỗi hành trình về giống nhằm đảm bảo giống đưa vào trồng rừng phải có năng suất, chất lượng cao.

c) Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

- Quản lý rừng bền vững:

+ Đến nay, các chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; Vườn quốc gia; Khu Bảo tồn thiên nhiên và các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững.

+ Từ đầu năm 2026 đến nay, Chi cục Kiểm lâm đã tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ, Ban Quản lý rừng đặc dụng, Vườn quốc gia và các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh rà soát, cập nhật, điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tình hình sắp xếp, tổ chức lại các Ban Quản lý rừng phòng hộ và các quy định hiện hành có liên quan. Kết quả, đã hướng dẫn cho 06 đơn vị chủ rừng gồm: 03 Ban Quản lý rừng phòng hộ (Hà Ra, Bắc Biển Hồ, Tây Sơn) và 03 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp (Sông Kôn, Lơ Ku; Ka Nák) điều chỉnh các nội dung quản lý, bảo vệ, phát triển rừng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Đến nay, diện tích rừng được cấp chứng chỉ trên địa bàn tỉnh là 23.331,12 ha (rừng trồng 23.078,08 ha; rừng tự nhiên 253,04 ha).

d) Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng: Thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 1.947.000 m³; ước thực hiện cả năm đạt 2.641.000 m³, đạt 100% kế hoạch.

đ) Thực hiện nội dung 02, nội dung thành phần số 02, hợp phần thứ hai, Chương trình MTQG tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT

Năm 2026, tỉnh Gia Lai chưa triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, cũng như kinh phí quản lý, nghiệm thu, lập hồ sơ và tổ chức thực hiện nội dung 02, nội dung thành phần số 02, hợp phần thứ hai, Chương trình MTQG tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT. Hiện đang rà soát các đối tượng thuộc Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện trong thời gian tới.

(Chi tiết tại Biểu 01, 02 kèm theo)

e) Nhiệm vụ khác:

*** Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng**

- Công tác chỉ đạo: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 28/01/2026 kế hoạch hoạt động của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng năm 2026; Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt văn kiện dự án “Hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai” do Tổ chức Frankfurt Zoological Society (FZS) tài trợ và UBND tỉnh thống nhất không tổ chức Đoàn công tác của tỉnh đi Paraguay tại Văn bản số 4337/SNNMT-KL ngày 27/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời, tham mưu Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển ban hành Văn bản số 09/BQLKHN-BTK ngày 08/5/2026 triển khai thực hiện dự án do FZS tổ chức.

- Công tác tuyên truyền và giáo dục cộng đồng: Vườn Quốc gia (VQG) Kon Ka Kinh đã tổ chức 36 đợt tuyên truyền tại 18 thôn/làng vùng đệm, thu hút hơn 1.440 lượt người, vận động 328 hộ cam kết bảo vệ rừng, đồng thời tổ chức nhiều ngoại khóa môi trường cho học sinh. Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Kon Chư Răng và UBND xã Ayun cũng tích cực tuyên truyền phòng chống cháy rừng, bảo tồn động vật hoang dã, thu hồi súng đạn tự chế, tiếp cận hàng trăm lượt người dân và học sinh.

- Giao lưu, học hỏi, quảng bá hình ảnh: Cử thành viên tham dự chương trình “Trao đổi dự án phát triển khoa học và công nghệ tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng” do Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng tổ chức và tham dự Hội thảo “Bảo tồn các loài thực vật nguy cấp tại Việt Nam – hiện trạng và tương lai” tại tỉnh Nghệ An; tham gia viết bài bản tin đối ngoại với chủ đề “Kon Hà Nừng - Vùng đất du lịch sinh thái xanh giữa đại ngàn Tây Nguyên”; tổ chức cuộc thi thiết kế, sáng tác Biểu trưng (Logo) và Khẩu hiệu (Slogan) KDTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng.

- Đa dạng sinh học và công tác bảo tồn: Vùng lõi 1 (VQG Kon Ka Kinh): Đã tổ chức 43 đợt tiếp nhận cứu hộ và phối hợp tái thả thành công 75 cá thể động vật rừng quý hiếm về tự nhiên; Vùng lõi 2 (Khu BTTN Kon Chư Răng): Phối hợp cùng Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga và Tổ chức FZS tiến hành 9 đợt khảo sát sinh thái, triển khai bảy ảnh giám sát động vật hoang dã và theo dõi quần thể linh trưởng.

- Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiệm thu đạt yêu cầu đề tài bảo tồn nguồn gen dược liệu Thiên môn chùm, xây dựng vườn sưu tập 0,2 ha và công bố 3 bài báo khoa học. Hai đề tài khác về ong Dú và nấm *Amaroderma* đang tiếp tục được triển khai. Nhiệm vụ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu “Kon Hà Nừng - Gia Lai” cũng đã được đưa vào chương trình phát triển tài sản trí tuệ; UBND tỉnh đã phê duyệt dự án hỗ trợ nâng cao năng lực do Tổ chức FZS tài trợ, tiếp tục hỗ trợ kinh phí 40,5 triệu đồng/năm cho các làng vùng đệm để phát triển sản xuất.

- Phát triển du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lập đề cương Đề án tổng thể phát triển du lịch sinh thái và nghiên cứu các tour, tuyến mới. Đặc biệt, VQG Kon Ka Kinh đã chính thức được công nhận là Điểm du lịch, đón tiếp và hướng dẫn hơn 800 lượt khách thử nghiệm.

*** Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia**

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Theo quy hoạch, tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh Gia Lai là 1.086,17 nghìn ha (đất có rừng tự nhiên 752,13 nghìn ha; đất có rừng trồng 238,76 nghìn ha; đất chưa có rừng 95,28 nghìn ha). Cụ thể được phân bổ như sau:

- Đất rừng đặc dụng: 118,46 nghìn ha.
- + Đất có rừng tự nhiên: 113,60 nghìn ha.
- + Đất có rừng trồng: 2,02 nghìn ha.
- + Đất chưa có rừng: 2,84 nghìn ha.
- Đất rừng phòng hộ: 323,38 nghìn ha.
- + Đất có rừng tự nhiên: 254,37 nghìn ha.
- + Đất có rừng trồng: 44,50 nghìn ha.
- + Đất chưa có rừng: 24,51 nghìn ha.
- Đất rừng sản xuất: 644,33 nghìn ha.
- + Đất có rừng tự nhiên: 384,16 nghìn ha.
- + Đất có rừng trồng: 192,24 nghìn ha.
- + Đất chưa có rừng: 67,93 nghìn ha.

*** Dự án điều tra, đánh giá và kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Triển khai thực hiện điều tra, kiểm kê rừng theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT, tỉnh Gia Lai đã phê duyệt Dự án Điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Gia Lai (cũ) năm 2024-2025 tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Dự án Điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Gia Lai (cũ) năm 2024-2025 và điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh và Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 06/3/2026. Hiện nay, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đang phối hợp triển khai bước kiểm tra, nghiệm thu kết quả điều tra trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng; làm cơ sở thực hiện bước kiểm kê rừng; dự kiến Dự án hoàn thành trong quý III/2026 theo tiến độ được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo tại Văn bản số 586/BNNMT-LNKL ngày 19/01/2026. Đối với 58 xã, phường phía Đông tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh đã trình xin chủ trương triển khai Dự án Điều tra, kiểm kê rừng, đang xem xét để triển khai trong thời gian sớm nhất.

*** Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí**

Trên địa bàn tỉnh có 02 đơn vị: Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng của 02 đơn vị tại Tờ trình số 924/TTr-SNNMT và Tờ trình số 923/TTr-SNNMT ngày 26/6/2026 và UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh xem xét, thông qua chủ trương xin thông qua phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh và Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 tại Tờ trình số 972/TTr-UBND và Tờ trình số 971/TTr-UBND ngày 29/6/2026.

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Văn bản đề nghị Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn và Ban Quản lý rừng phòng hộ Gia Lai tiếp tục hoàn chỉnh Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng của đơn vị theo góp ý của các sở, ngành, địa phương.

*** Việc triển khai các dự án tín chỉ các-bon trên địa bàn tỉnh**

- Sáng kiến LEAF: Tỉnh Gia Lai là một trong 05 tỉnh thuộc khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tham gia Sáng kiến LEAF do Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đại diện Việt Nam thực hiện đàm phán, ký kết và tổ chức trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải với Tổ chức Tăng cường Tài chính Lâm nghiệp (Emergent) - đơn vị được Liên minh giảm phát thải thông qua tăng cường tài chính lâm nghiệp (LEAF) ủy thác điều hành. Thời gian qua, tỉnh Gia Lai đã phối hợp với Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cung cấp các tài liệu có liên quan, tiến hành khảo sát, xác minh thực địa, phối hợp tổ chức các Hội thảo tham vấn triển khai trên địa bàn tỉnh góp phần hoàn thành báo cáo giảm phát thải kỳ 1 giai đoạn 2021-2022. Hiện nay, tỉnh Gia Lai đang phối hợp Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cung cấp các tài liệu có liên quan phục vụ báo cáo giảm phát thải kỳ 2 giai đoạn 2023-2025.

- Việc triển khai Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21/5/2026 của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2026, Quyết định số 2200/QĐ-BNNMT ngày 10/06/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 180/2026/NĐ-CP: UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện tại: Văn bản 6657/UBND-NNMT ngày 24/5/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị định 180/2026/NĐ-CP ngày 21/5/2026 của Chính phủ; Văn bản 8510/UBND-NNMT ngày 24/6/2026 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2200/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đề bảo đảm việc triển khai thực hiện Nghị định số 180/2026/NĐ-CP thống nhất, đúng quy định của pháp luật, đồng thời tránh chồng lấn, trùng lặp với Sáng kiến LEAF (do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện) trong quản lý, đăng ký, hạch toán và chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon

rừng trên địa bàn tỉnh. Ngày 15/6/2026, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 8000/UBND-NNMT đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm hướng dẫn triển khai các hoạt động liên quan đến tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên đến nay, UBND tỉnh chưa nhận được Văn bản phúc đáp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

- Để chủ động phát triển thị trường các-bon tại tỉnh Gia Lai, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính mà Việt Nam đã cam kết tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), tạo dòng tài chính mới, chuyển đổi xanh và mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Đề án tổng thể phát triển thị trường các-bon trên địa bàn tỉnh tại Văn bản số 7336/UBND-NNMT ngày 03/6/2026 về việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến thị trường tín chỉ các-bon trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 về việc thành lập Tổ xây dựng Đề án tổng thể về phát triển thị trường tín chỉ các-bon trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hiện Đề án đang được hoàn thiện, dự kiến trình trước ngày 15/7/2026.

*** Kế hoạch phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Điều 102 Luật Lâm nghiệp năm 2017, để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh ban hành chương trình, dự án, kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đề nghị các địa phương, đơn vị chủ rừng xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030 tại Văn bản số 5612/SNNMT-KL ngày 26/11/2025; Văn bản số 259/SNNMT-KL ngày 19/01/2026. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp và xây dựng dự thảo kế hoạch, đồng thời ban hành Văn bản số 5759/SNNMT-KL ngày 29/5/2026 lấy ý kiến các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan về dự thảo Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030.

*** Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Văn bản số 5706/UBND-NNMT ngày 07/05/2026 của về việc chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030. Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Văn bản số 5241/SNNMT-KL ngày 19/5/2026 về việc đề xuất xây dựng Nghị quyết ban hành Chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030. UBND tỉnh cũng đã ban hành Văn bản số 6582/UBND-NNMT ngày 22/5/2026 đăng ký Thường trực HĐND tỉnh xây dựng Nghị quyết. Thường trực HĐND tỉnh thông qua chủ trương xây dựng Nghị quyết ban hành Chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030 tại Thông báo số 47/TB-TTHĐND ngày 08/6/2026. Hiện nay, UBND tỉnh đang giao Sở Nông nghiệp và

Môi trường tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo để xây dựng Nghị quyết theo quy định.

*** Đề án phát triển cây dược liệu dưới tán rừng giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng Đề án phát triển cây dược liệu dưới tán rừng giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2050. Tuy nhiên, qua tổng hợp, thông tin, tư liệu về các chương trình, kế hoạch, dự án đăng ký triển khai còn chưa đầy đủ.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh đã chấp thuận gia hạn thời gian hoàn thành Đề án đến quý III năm 2026; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục phối hợp, khẩn trương đăng ký, hoàn thiện nội dung phục vụ xây dựng Đề án.

*** Chương trình hành động chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, tại mục 4 Phần VII Chương trình hành động giao *UBND tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình theo nhiệm vụ được giao.*

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 14/5/2026 về triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Đồng thời, nhằm hưởng ứng ngày Thế giới chống sa mạc hóa và hạn hán năm 2026, UBND tỉnh cũng đã ban hành Văn bản số 7796/UBND-NNMT ngày 11/6/2026 của UBND tỉnh về tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Thế giới chống sa mạc hóa và hạn hán năm 2026.

*** Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR)**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 Thành lập Tổ Công tác công tư cấp tỉnh để thực hiện Kế hoạch triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng của Liên minh châu Âu trên địa bàn tỉnh Gia Lai; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2026 của dự án “Nông nghiệp bền vững vì hệ sinh thái rừng - Hợp phần Việt Nam” sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Liên minh Châu Âu và Chính phủ Đức thông qua Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ). Rà soát, thống kê diện tích vùng trồng và doanh nghiệp đáp ứng quy định EUDR, kết quả đến nay đã rà soát, thống kê được 128/135 xã, phường. Thời gian báo cáo đề xuất xây dựng bản đồ vùng trồng phục vụ Quy định EUDR đã được UBND tỉnh gia hạn thời gian Quý III năm 2026 tại Văn bản số 6846/UBND-NNMT ngày 27/5/2026.

2.2. Tình hình huy động, phân bổ kinh phí

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2026 là: 728.378,77 triệu đồng. Trong đó:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước: 377.006,41 triệu đồng.
 - Ngân sách Trung ương: 349.826,11 triệu đồng (Nguồn vốn sự nghiệp).
 - Ngân sách địa phương: 27.180,3 triệu đồng (Nguồn vốn sự nghiệp).
 - Nguồn vốn NSNN thực hiện nội dung 02, nội dung thành phần số 02, hợp phần thứ hai, Chương trình MTQG tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT: Không.
- b) Các nguồn vốn hợp pháp khác: 351.372,36 triệu đồng
 - Dịch vụ môi trường rừng: 112.781 triệu đồng.
 - Vốn trồng rừng thay thế: 216.925,57 triệu đồng.
 - Vốn hợp pháp khác: 21.665,79 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu 3 kèm theo)

3. Đánh giá

a) Kết quả đạt được

- Công tác chỉ đạo, điều hành về bảo vệ và phát triển rừng được triển khai chủ động, kịp thời, đồng bộ, bám sát chỉ đạo của Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND tỉnh.

- Diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ ven biển, rừng trồng bảo vệ cảnh quan chủ yếu được giao khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn xã sống ở gần rừng được thực hiện bảo vệ tương đối tốt, hạn chế được việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, chặt củi đốt than, đồng thời tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng, hỗ trợ tích cực cho các ngành chức năng trong công tác bảo vệ phát triển rừng.

- Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của toàn xã hội và đang chuyển hướng theo hướng phát triển lâm nghiệp xã hội với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Đã tạo thêm nhiều việc làm cho người dân sống bằng nghề rừng, lao động trong các doanh nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và ổn định xã hội.

b) Tồn tại

- Tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật vẫn còn xảy ra, nhất là trên lâm phần do các đơn vị chủ rừng (*Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty lâm nghiệp*) quản lý, từ đầu năm đến nay xảy ra 40 vụ, diện tích 231.783 m² (*tăng 06 vụ, diện tích rừng bị thiệt hại tăng 146.413 m² so với cùng kỳ năm 2025*).

- Nhiều diện tích rừng đến tuổi khai thác chưa được khai thác hoặc khai thác chậm do ảnh hưởng của thời tiết, thiếu nhân công, phương tiện vận chuyển và năng lực thu mua, chế biến lâm sản. Việc chậm khai thác cũng ảnh hưởng đến

công tác chuẩn bị hiện trường, làm chậm tiến độ trồng lại rừng theo kế hoạch. Bên cạnh đó, một số hộ gia đình, cá nhân có diện tích rừng bị thiệt hại do thiên tai và mất đi nguồn vốn, dẫn đến khó khăn trong việc cân đối nguồn vốn để tái đầu tư trồng rừng. Công tác chuẩn bị cây giống, vật tư, nhân lực tại một số địa phương còn gặp khó khăn, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thực hiện các chỉ tiêu lâm nghiệp.

- Tại một số địa phương khu vực phía Tây, người dân vẫn ưu tiên sản xuất các loại cây nông nghiệp do có thời gian thu hoạch ngắn, sớm tạo nguồn thu để trang trải chi phí sinh hoạt và tái đầu tư sản xuất. Trong khi đó, trồng cây lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn nên chưa thực sự phù hợp với điều kiện kinh tế của một bộ phận người dân. Bên cạnh đó, một số khu vực có điều kiện thổ nhưỡng, lập địa khắc nghiệt, dẫn đến việc vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang phát triển lâm nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

c) Nguyên nhân

- Một số đơn vị chủ rừng chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; công tác kiểm tra, giám sát và phối hợp có thời điểm chưa chặt chẽ, dẫn đến một số vụ việc vi phạm chưa được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng của các hộ dân sinh sống gần rừng còn thấp, việc thiếu quỹ đất để sản xuất nông nghiệp nên tình trạng phá rừng lấy đất sản xuất nông nghiệp còn tiếp diễn. Bên cạnh đó, nhiều diện tích rừng đan xen, giáp ranh với diện tích đang canh tác nông nghiệp của người dân nên gây khó khăn đến các lực lượng trong việc phát hiện coi nói, lấn chiếm của người dân.

- Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, mùa vụ; hiện trường sản xuất trải rộng, tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn phức tạp, hạ tầng thấp kém đặc biệt là đường giao thông đến các khu rừng; đời sống người dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế. Những hạn chế này ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR của tỉnh.

- Các dự án trồng rừng chủ yếu nằm ở khu vực vùng sâu vùng xa, giao thông khó khăn nên ảnh hưởng đến công tác kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án. Nhà đầu tư chưa chấp hành tốt công tác tự giám sát, báo cáo tình hình thực hiện dự án theo quy định; chưa phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

- Việc liên doanh, liên kết trồng rừng đối với người dân với các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn vì đa số các hộ dân chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo quyền lợi cho dân.

d) Những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

- Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng nhằm bảo vệ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học; hạn chế tối đa

các hoạt động phá rừng, khai thác rừng trái phép; từng bước nâng cao năng suất, chất lượng từng loại rừng.

- Tăng cường công tác giao rừng, cho thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp, phát huy tối đa giá trị sử dụng đất lâm nghiệp, giải quyết dứt điểm các vụ việc tranh chấp đất rừng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường đầu tư các cơ sở chế biến lâm sản có quy mô phù hợp với từng vùng nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

- Tiếp tục cải tạo nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng lâm nghiệp; tăng cường ứng dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng. Đồng thời tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, hạn chế chủ rừng mua phải giống không rõ nguồn gốc, chất lượng giống kém.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2027

1. Bối cảnh, dự báo

Ngày 30/3/2026, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 129/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Theo đó, ngành lâm nghiệp tiếp tục được xác định là một trong những ngành quan trọng trong phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững của tỉnh. Các chỉ tiêu phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030 đã được xác định cụ thể, làm cơ sở để các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hằng năm.

Gia Lai có lợi thế về diện tích đất lâm nghiệp lớn, nguồn tài nguyên rừng phong phú, điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển rừng trồng sản xuất, rừng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các mô hình kinh tế dưới tán rừng, du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, nhu cầu nguyên liệu phục vụ chế biến gỗ ngày càng tăng, cùng với các cơ chế, chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng, quản lý rừng bền vững, chứng chỉ rừng và thị trường tín chỉ các-bon đang tạo thêm dư địa và động lực cho phát triển ngành lâm nghiệp trong thời gian tới.

Tuy nhiên, ngành lâm nghiệp vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến cực đoan, nguy cơ cháy rừng trong mùa khô; tình trạng người dân tại một số địa phương vẫn ưu tiên phát triển cây nông nghiệp ngắn ngày do hiệu quả kinh tế trước mắt; việc huy động nguồn lực đầu tư cho phát triển lâm nghiệp còn hạn chế; thị trường tiêu thụ lâm sản có thời điểm biến động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh lâm nghiệp.

Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh định hướng trong năm 2027 ngành lâm nghiệp tập trung thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về

trồng rừng tập trung, phát triển rừng gỗ lớn, sản lượng khai thác gỗ, sản xuất giống cây lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững; đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của ngành, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại, đa giá trị; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của rừng; bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; phát huy hiệu quả các giá trị kinh tế, xã hội và môi trường của hệ sinh thái rừng; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Quản lý, bảo vệ nâng cao chất lượng rừng và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

- Mục tiêu về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng năm 2027 ước đạt 45,8 %.

- Mục tiêu về kinh tế - xã hội

+ Trồng rừng tập trung (trồng mới và trồng lại sau khai thác) và trồng cây phân tán khoảng 32.500 ha. Trong đó trồng rừng gỗ lớn khoảng 4.072 ha.

+ Sản lượng gỗ khai thác đạt khoảng 1,986 triệu m³.

+ Sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp khoảng 229,75 triệu cây.

+ Đầu tư, đẩy mạnh việc triển khai sản xuất nông, lâm nghiệp dưới tán rừng, trong đó chú trọng việc bảo tồn và phát triển cây dược liệu.

(Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo)

3. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Bảo vệ và phát triển toàn bộ diện tích rừng hiện có; nâng tỷ lệ che phủ đến năm 2027 đạt 45,8 %.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng 559.656,29 ha, trong đó: diện tích rừng đặc dụng 124.926,78 ha; diện tích rừng phòng hộ 220.440,4 ha; diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên 214.257,11 ha.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, không khai thác gỗ rừng tự nhiên, quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng.

- Đẩy nhanh tiến độ giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp, đảm bảo diện tích rừng phải có chủ quản lý thực sự; thực hiện cập nhật theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng hợp lý diện tích đất lâm nghiệp người dân đang sản xuất nông nghiệp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng. Xử lý, giải quyết dứt điểm những diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang có chồng lấn, tranh chấp.

- Triển khai các chương trình, dự án, đề án nhằm nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tập trung đầu tư, trang bị hệ thống quan trắc tự động, đẩy mạnh ứng dụng thiết bị bay không người lái (Drone/UAV), công nghệ viễn thám và vệ tinh trong phát hiện sớm và cảnh báo cháy rừng; củng cố vững chắc phương châm “4 tại chỗ”.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Hoạt động Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng; chủ động xây dựng kế hoạch và huy động tối đa các nguồn lực đầu tư trong nước, quốc tế phục vụ công tác bảo tồn và phát triển bền vững. Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, góp phần kiến tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương.

b) Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 1.373 ha, trong đó: Khoanh nuôi mới 788 ha; khoanh nuôi chuyển tiếp 585 ha.

Thực hiện hiệu quả các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để nuôi dưỡng, làm giàu rừng tự nhiên khoảng 183 ha.

- Trồng rừng tập trung 29.300 ha (trong đó: trồng rừng sản xuất 29.000 ha; trồng rừng đặc dụng, phòng hộ 300 ha), trong đó diện tích rừng trồng gỗ lớn tập trung 4.072 ha. Trồng cây phân tán 3,2 triệu cây.

- Về chăm sóc rừng trồng: 88.000 ha.

- Ưu tiên ứng dụng các công nghệ mới trong trồng rừng, phát triển và hướng dẫn chuyển giao công nghệ các quy trình kỹ thuật hiện đại trong phát triển rừng, từng bước nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong công tác phát triển rừng.

c) Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

- Để tăng hiệu quả kết nối thị trường quốc tế cho các sản phẩm của vùng; phát triển vùng trồng rừng có chứng chỉ rừng bền vững theo các công nghệ hiện đại nhất trên thế giới; ứng dụng các công nghệ tiên tiến, ưu việt thế giới trong quản lý, bảo vệ rừng, góp phần bảo vệ môi trường và nguồn sinh thái, chứng nhận FSC là một minh chứng về trách nhiệm của tổ chức với con người và xã hội; nhằm giảm thiểu lãng phí các nguồn tài nguyên từ rừng.

- 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý bền vững, đảm bảo hài hòa các mục tiêu về môi trường, xã hội, kinh tế; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp; hỗ trợ cấp Chứng chỉ rừng cho một số Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ.

d) Các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng khác; triển khai các chương trình, quy hoạch, đề án khác.

- Thiết lập các dự án hấp thụ các-bon theo các tiêu chuẩn quốc tế (như chương trình REDD+) trên diện tích rừng tự nhiên và rừng phòng hộ; kết hợp trồng được liệu dưới tán rừng (mục tiêu đạt 3.000 ha vào năm 2030) và các mô hình sinh kế xanh để nâng cao chất lượng rừng, từ đó tăng khả năng hấp thụ các-bon; Xây dựng lộ trình kinh doanh tín chỉ các-bon cụ thể, gắn với các chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Triển khai dự án trồng sâu và được liệu dưới tán rừng khoảng 850 ha (do Công ty TNHH phát triển khoa học Trường Sinh thực hiện) trên diện tích rừng tự nhiên do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roong quản lý; Dự án trồng được liệu quy mô khoảng 200 ha tại xã Vĩnh Thạnh.

- Tổ chức lại khoảng 32,06 nghìn ha diện tích canh tác hiệu quả thấp, bao gồm 22,06 nghìn ha đất cao su chết, kém phát triển, hiệu quả thấp hoặc hết chu kỳ khai thác (tại các xã: Ia Le, Ia Lâu, Ia Púch, Ia Mơ, Ia Boòng, Ia Dom, Ia Chia, Ia O, Pồ Tó, Ia Pia và Ia Pnôn) và 10 nghìn ha đất lâm nghiệp khu vực Ia Mơ và vùng phụ cận.

- Đẩy mạnh các mô hình nông lâm kết hợp và chăn nuôi trên diện tích rừng nghèo Ia Mơ, Ia Púch, Ia Boòng, Ia O, Ia Chia; hình thành các tổ hợp chế biến sâu và hạ tầng logistics hỗ trợ; mở rộng vùng tưới khu vực hạ lưu hồ Ia Mơ.

4. Nhu cầu vốn

Tổng dự toán nhu cầu vốn thực hiện kế hoạch năm 2027 dự kiến **452.288,971 triệu đồng**. Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 325.816,598 triệu đồng. Trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: 222.762,245 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).
 - + Ngân sách địa phương: 103.054,352 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), chiếm 31,6% trong tổng nguồn vốn ngân sách.
- Nguồn vốn hợp pháp khác: 126.472,373 triệu đồng. Trong đó:
 - + Vốn dịch vụ môi trường rừng: 84.727,244 triệu đồng;
 - + Vốn hợp pháp khác: 39.531,47 triệu đồng.
 - + Tín dụng: 2.213,66 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu 5 kèm theo)

5. Giải pháp thực hiện

- Căn cứ các chỉ tiêu được giao, xây dựng kế hoạch chi tiết và phân bổ chỉ tiêu trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán, khai thác gỗ rừng trồng đến từng

địa phương, chủ rừng và đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Rà soát quỹ đất có khả năng trồng rừng, chuẩn bị đầy đủ cây giống, vật tư, nhân lực để triển khai trồng rừng, trồng cây phân tán đúng thời vụ và bảo đảm chất lượng. Khuyến khích phát triển rừng gỗ lớn, kéo dài chu kỳ kinh doanh rừng, áp dụng các biện pháp thâm canh, sử dụng giống lâm nghiệp mới, giống chất lượng cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng. Tăng cường hướng dẫn người dân trồng lại rừng sau khai thác, hạn chế tình trạng đất lâm nghiệp bỏ trống kéo dài.

- Tiếp tục quản lý, bảo vệ nghiêm diện tích rừng hiện có; thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp. Thúc đẩy quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng đối với diện tích rừng sản xuất đủ điều kiện; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp theo hướng đa giá trị; khai thác hiệu quả tiềm năng dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; phát triển lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng, các mô hình nông lâm kết hợp và du lịch sinh thái phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Nghiên cứu, lựa chọn các loài cây trồng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và độ che phủ rừng.

- Tăng cường xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp; hỗ trợ các dự án trồng rừng trong công tác giải phóng mặt bằng, quản lý và bảo vệ rừng sau trồng. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển lâm nghiệp bền vững; vận động người dân sử dụng hiệu quả đất lâm nghiệp, thực hiện trồng rừng, trồng cây phân tán và trồng lại rừng sau khai thác. Nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của rừng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường rà soát, thống kê, cập nhật diện tích rừng trồng đến tuổi khai thác và sản lượng gỗ khai thác trên địa bàn; hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện khai thác theo quy định của pháp luật. Chủ động nắm bắt tình hình thị trường tiêu thụ lâm sản, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản lượng khai thác gỗ theo kế hoạch.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu cho một số loài cho sản phẩm ngoài gỗ và dược liệu chưa có thương hiệu. Khuyến khích hình thành các hiệp hội hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ...; nâng

cao năng lực cho chủ rừng, doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, thương mại trong nước và quốc tế.

- Huy động các nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;... và các chương trình, đề án khác, các hoạt động lâm nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Lâm nghiệp.

- Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh công tác giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo kế hoạch được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp xã tăng cường công tác quản lý đất đai, tổ chức kiểm soát chặt chẽ diện tích đất lâm nghiệp trong quy hoạch 03 loại rừng.

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, thu hồi đất lâm nghiệp sử dụng trái phép; kiên quyết chấm dứt tình trạng sang nhượng đất rừng trái pháp luật; hướng dẫn các địa phương việc tiếp nhận, xây dựng phương án quản lý hiệu quả diện tích rừng và đất lâm nghiệp của các chủ rừng trả về địa phương quản lý; công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, tổ chức, đặc biệt là các diện tích đất sau chuyển đổi 03 loại rừng, diện tích đất lâm nghiệp đang giao cho UBND xã quản lý; giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp đất rừng; hạn chế tình trạng xâm canh để người dân và các doanh nghiệp yên tâm đầu tư trồng rừng.

6.2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường bố trí kế hoạch vốn ngân sách địa phương để thực hiện có hiệu quả các nội dung bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Trong trường hợp ngân sách trung ương bổ sung không đủ nhu cầu kinh phí đã đăng ký, giao Sở Tài chính chủ trì, tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng của các đơn vị, địa phương hoạt động có hiệu quả.

6.3. UBND cấp xã chịu trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn quản lý.

6.4. Các đơn vị chủ rừng tổ chức bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có, khai thác sử dụng rừng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả nguồn tài nguyên được giao quản lý sử dụng. Triển khai thực hiện phương án quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng, phương án quản lý rừng bền vững đối với diện tích rừng sản xuất.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính quan tâm bố trí và cấp đủ kinh phí bảo vệ rừng hàng năm cho tỉnh Gia Lai theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ, để tỉnh phân bổ cho các chủ rừng triển khai hiệu quả các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN và MT, Tài chính;
- Chi cục Kiểm lâm;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, T5, N1, N5

Handwritten signature

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp